

Biểu mẫu 06

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GD&ĐT THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG TH TRẦN AN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế
Năm học 2017 – 2018

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	529	125	99	101	97	107
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	529	125	99	101	97	107
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
	Số học sinh chia theo năng lực						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	414 78,3%	87 69,6%	66 66,7%	82 81,2%	79 81,4%	100 93,5%
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	115 21,7%	38 30,4%	33 33,3%	19 18,8%	18 18,6%	7 6,5%
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
	Số học sinh chia theo phẩm chất						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	421 79,6%	90 72,0%	66 66,7%	86 85,1%	79 81,4%	100 93,5%
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	108 20,4%	35 28,0%	33 33,3%	15 14,9%	18 18,6%	7 6,5%
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	319 60,3%	87 69,6%	48 48,5%	39 38,6%	68 71,1%	77 72,0%
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	210 39,7%	38 30,4%	51 51,5%	62 61,4%	29 29,9%	30 28,0%
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	529 100%	125 100%	99 100%	101 100%	97 100%	107 100%

a	<i>Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)</i>						
b	<i>HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)</i>						
2	<i>Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)</i>						

Nơi nhận:

- Niêm yết công khai tại bảng công khai
hoá nhà trường,
- Lưu: VT

Tràng An, ngày 28 tháng 8 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thu Hương